

Bản án số: 120 /2023/HS-ST

Ngày 08 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn M

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn A;

Ông Nguyễn Quang B.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc L, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị G - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2023/TLST- HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1983, tại huyện T, tỉnh V; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị L và có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án: Tại bản án số 90/HSST ngày 26/9/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, về tội: “Vi phạm quy định về khai thác tài N”, thời gian thử thách 18 tháng. Tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 09/3/2022, bị Công an huyện T xử phạt 4.000.000đ về hành vi khai thác khoáng sản trái phép, cùng ngày V chấp hành nộp phạt. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/7/2023 đến nay tại Trại tạm giam công an tỉnh V, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo V: Luật sư Nguyễn Khánh H - Văn phòng Luật sư Đ thuộc đoàn Luật sư tỉnh V, địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh V, có mặt.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1, Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh V, có mặt.

2. Anh Bùi Văn K, sinh năm: 1985; trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh V, vắng mặt.

3. Anh Chu Văn T, sinh năm: 1981; trú tại: Thôn Chùa B, xã B, huyện T, tỉnh V, có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1958; trú tại: Thôn Làng M - xã Q, huyện T, tỉnh V, có mặt.

5. Bà Bùi Thị Loan, sinh năm: 1962; trú tại: Thôn Làng M - xã Q - huyện T - tỉnh V, vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1984; trú tại: Khu 11, xã O, huyện D, tỉnh V, vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1968; trú tại: Thôn N, xã HS, huyện T, tỉnh V, có mặt.

8. Anh Nguyễn Văn V2, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Đ, Q, T, vắng mặt.

9. Anh Đặng Xuân N, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Cầu Tre, Hồ S, T, V, có mặt.

10. Anh Dương Đức T1, sinh năm: 1975; trú tại: Thôn Làng M, xã Q, huyện T, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/3/2023, ông Nguyễn Văn H là người cùng xã với Nguyễn Văn V, thuê V đến xới đất, bỏ các gốc cây bạch đàn và san gạt mặt bằng cho ông H trồng cây tại khu đồi nhà ông H thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 63, địa chỉ thôn Làng M, xã Q, huyện T, V đồng ý và thỏa T1 giá san gạt là 2.000.000 đồng. Khi biết ông H có ý định san gạt mặt bằng tại khu đồi nhà ông H, bà Bùi Thị L1 ở cùng thôn với ông H gặp, hỏi xin ông H vài xe đất để đổ vào chỗ trống trong vườn nhà bà L1 (thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 63 tại địa chỉ thôn Làng M, xã Q, ông H đồng ý và nói với bà L1 liên hệ với V vì ông H đã giao và thuê V chủ động làm. Đến ngày 18/3/2023, anh Nguyễn Văn S có nhu cầu mua đất đổ vào vườn nhà anh S ở Khu 11, xã O, huyện D để trồng cây. Anh S được giới thiệu V có xe ô tô và hay chở bán vật liệu như đất, cát nên anh S đã gọi điện cho V và thuê V chở đất đổ vào vườn, khi nào đổ xong thì thanh toán, V đồng ý.

Trước đó, Nguyễn Văn V đã thuê máy xúc nhãn hiệu DAEWOO Solar 200W, màu vàng cam, bánh lốp của anh Bùi Văn K để sử dụng làm ăn. Do đã nhận lời xới gốc cây, san gạt mặt bằng cho ông H và nhận lời chở đất đổ vườn bán cho anh S nên V đã thuê anh Chu Văn T điều khiển máy xúc tiến hành xới gốc cây, san gạt mặt bằng cho V với giá là 500.000đ/buổi, anh T đồng ý. Tiếp đến Nguyễn Văn V gọi điện cho anh Nguyễn Văn V2, anh Đặng Xuân N, anh Dương Đức T1 và anh Dương Văn N, sinh năm: 1984 ở thôn: Đ, xã Q, huyện T, tỉnh V, anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1992, trú tại: thôn B, xã T, huyện S, tỉnh T để thuê những

người này điều khiển xe ô tô đến chở đất cho V nhưng chỉ có V2, N và T1 đồng ý nhận lời chở thuê đất cho V, còn lại N, C bận nên không đồng ý.

Chiều ngày 18/3/2023, anh T điều khiển máy xúc đến khu đồi nhà ông H. Tại đây, V chỉ đạo anh T xới, mức gốc cây bạch đàn thành đồng, tiến hành san gạt cho bằng và mức đất lên thùng xe ô tô để các lái xe chở đi đổ. Khi anh V2 điều khiển xe ô tô tải BKS: 88H- 007.13 đến thì được anh T điều khiển máy xúc mức đất lên thùng xe. Sau khi mức đầy thùng xe ô tô V bảo anh V2 chở đến khu 11, xã O đổ vườn cho anh Nguyễn Văn S. Ngay sau đó, Dương Đức T1 điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu Cửu Long, màu S xanh, BKS: 88C- 080.42 đi đến và được anh T điều khiển máy xúc mức đất lên thùng xe. Sau đó, anh T1 được V trao đổi điều khiển xe ô tô đi theo xe ô tô của V2 đến đổ đất vào vườn cho anh Nguyễn Văn S. V2 và anh T1 điều khiển xe ô tô chở đất từ khu đồi nhà ông H đến đổ vào vườn của nhà anh Nguyễn Văn S xong quay lại tiếp tục được anh T điều khiển máy xúc, mức đất lên thùng xe để chở đi. Lúc này, bà L1 thấy V cho máy xúc và ô tô đến khu đồi nhà ông H san gạt, vận chuyển đất nên bà L1 đến gặp Nguyễn Văn V để xin V đổ cho mấy xe đất vào vườn nhà, tiền công, dầu máy hết bao nhiêu thì bà L1 sẽ trả, V đồng ý và chỉ đạo anh T1 chở đổ ngay sang vị trí khu vườn nhà bà Bùi Thị L1 (cách vị trí khai thác khoảng 40m). Trong thời gian xe ô tô của V2 chạy đổ đất ở vườn nhà S thì xe ô tô của anh T1 chở đổ được 03 chuyến đất vào vị trí vườn nhà bà L1 rồi rời đi. Sau khi đổ được chuyến thứ 2 tại vườn nhà Nguyễn Văn S, V2 điều khiển xe ô tô quay lại vị trí khai thác để chở chuyến thứ 3. Sau khi được T mức đầy đất lên thùng xe ô tô, V2 di chuyển ra khỏi vị trí khai thác đất thì V2 gặp Đặng Xuân N điều khiển xe ô tô BKS: 14C- 30733, nhãn hiệu Dongfeng, màu vàng đi đến. N điều khiển xe lùi vào vị trí T đang điều khiển máy xúc, thấy vậy V2 đỗ xe gần vị trí đổ vào vườn nhà bà L1 để đợi N. Lúc này khoảng 20 giờ cùng ngày, khi anh T đang điều khiển máy xúc mức đất lên thùng xe ô tô của N thì Công an huyện T, Công an xã Q đến kiểm tra. Thấy lực lượng Công an kiểm tra Đặng Xuân N điều khiển xe ô tô đổ đất trên thùng xe xuống vị trí khu khai thác, còn Nguyễn Văn V2 cũng điều khiển xe ô tô lùi đổ đất vào vị trí vườn nhà bà Loan. Tại thời điểm kiểm tra lái xe ô tô và lái máy xúc khai nhận việc khai thác, vận chuyển đất trên là do Nguyễn Văn V chỉ đạo và không có các giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản tại vị trí trên. Khối lượng đã khai thác được xác định là 45m³. Công an huyện T đã lập biên bản sự việc và tạm giữ các tang vật, phương tiện vi phạm.

Kết quả xác minh về nguồn gốc đất, chủ sử dụng thửa đất các vị trí bị khai thác và vị trí đổ đất xác định:

- **Vị trí khai thác đất:** Vị trí bị khai thác khoáng sản (đất) vào tối ngày 18/3/2023 thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ địa chính số 63, diện tích 1.649,3m²; địa chỉ: thôn Làng M, xã Q, huyện T, tỉnh V, loại đất: Rừng sản xuất (ký hiệu RSX), đứng tên chủ sử dụng: ông Nguyễn Văn H. Tại vị trí này không có tổ chức, cá nhân nào được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Mọi

hoạt động thăm dò, khai thác tài N tại vị trí nêu trên là hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

- Vị trí đồ đất:

+ Vị trí đồ đất là thửa đất số 135, tờ bản đồ địa chính số 63, diện tích: 2.637m², loại đất: đất ở nông thôn (ONT) và đất trồng cây lâu năm (CLN), địa chỉ thôn Làng M, xã Q, huyện T, tỉnh V, chủ sở dụng là ông Phạm Văn D và bà Bùi Thị L, sinh năm 1962, HKTT: Thôn Làng M, xã Q, huyện T, tỉnh V (cách hiện trường khai thác đất khoảng 40m), tại đây phát hiện một đồng đất hình chóp còn mới, có kích H dài: 6,3m, rộng: 5m, cao trung bình: 1,3m.

+ Vị trí đồ đất cho anh Nguyễn Văn S thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 45, địa chỉ: thôn 11, xã O, D, V, loại đất: Lúa (LUC), hiện đã được trồng cây ăn quả. Tại vị trí này phát hiện có 03 đồng đất đồ liền kề nhau có kích H dài: 6m, rộng: 3,3m, cao trung bình: 1m.

Kết quả giám định đất, định giá tài sản, việc thu giữ đồ vật, tài liệu:

Ngày 18/03/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T thu giữ mẫu đất tại các vị trí khai thác ở khu đồi nhà ông Nguyễn Văn H, ký hiệu D1; tại vị trí điểm đồ vườn nhà Bùi Thị L1, ký hiệu D2; tại vị trí điểm đồ vườn nhà Nguyễn Văn S, ký hiệu D3.

Ngày 31/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 84 trưng cầu Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục giám định xây dựng- Sở xây dựng tỉnh V giám định mẫu đất thu tại các vị trí trên. Kết quả, ngày 12/4/2023 Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục giám định xây dựng- Sở xây dựng tỉnh V có kết luận giám định số 03/KL-GĐTPXD kết luận:

Giám định tính chất cơ lý của đất để xác định phân loại đất xây dựng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4198:2014 là đất sỏi, sạn có hàm lượng sỏi sạn từ 66,3% đến 67,4%.

Phân loại đất xây dựng theo định mức dự toán xây dựng - Phần xây dựng được công bố tại văn bản số 1776/BXD- VP ngày 16/8/2007 của Bộ xây dựng là đất cấp III loại đất đồi núi lẫn sỏi sạn.

Ngày 27/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T có Công văn số 120/CV- KTMT gửi Sở tài N và Môi trường tỉnh V nội dung:

Căn cứ Kết luận giám định số 03/KL- GĐTPXD ngày 12/4/2023 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục giám định xây dựng - Sở xây dựng tỉnh V: Giám định tính chất cơ lý của đất để xác định phân loại đất xây dựng theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4198:2014 là đất sỏi, sạn có hàm lượng sỏi sạn từ 66,3% đến 67,4%.

Phân loại đất xây dựng theo định mức dự toán xây dựng - Phần xây dựng được công bố tại văn bản số 1776/BXD- VP ngày 16/8/2007 của Bộ xây dựng là đất cấp III loại đất đồi núi lẫn sỏi sạn.

Theo kết quả giám định phân loại đất nêu trên: Mẫu đất D1, D2 và D3 có kết quả thí nghiệm cơ lý tương đối đồng nhất có hàm lượng sỏi sạn là 66,3% và 67,4% có phải là khoáng sản không? Được quy định tại văn bản pháp luật nào?

Ngày 30/6/2023, Sở tài N và môi trường tỉnh V có Công văn số 2415/TNMT-KSTNNKTTV trả lời nội dung:

- Tại khoản 1, Điều 2 của Luật khoáng sản 2010 quy định “Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ;

Khoáng sản làm vật liệu xây dựng T thường được quy định tại Điều 64 Luật khoáng sản.

- Khoản 1, Điều 7, Luật thuế tài N, trong biểu khung thuế suất tài N có thể hiện Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình là loại tài N thuộc nhóm khoáng sản không kim loại.

- Tại Nghị định 164/2016/NĐ- CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình thuộc nhóm Khoáng sản không kim loại, là một trong những loại khoáng sản phải nộp phí BVMT (Mục 5, phần II- Biểu khung mức phí bảo vệ Môi trường đối với khai thác khoáng sản).

- Tại T tư số 01/2016/TT- BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ tài N và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp, tại Khoản 2, Điều 2 của T tư quy định: “Đất, đá làm vật liệu san lấp là khoáng sản làm vật liệu xây dựng T thường khi đáp ứng đủ quy định tại Khoản 1 Điều 64 Luật khoáng sản”.

- Tại T tư số 05/2020/TT- BTC ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của T tư 44/2017/TT- BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định khung giá tính thuế tài N đối với nhóm, loại tài N có tính chất lý, hóa giống nhau, trong Phụ lục II (Khung giá tính thuế Tài N đối với khoáng sản không kim loại) có danh mục đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình (Mã nhóm II 1).

Từ các căn cứ trên, xác định đất khai thác để san lấp cũng là khoáng sản làm vật liệu xây dựng T thường.

Như vậy theo quy định hiện hành thì đất, đá là khoáng sản đối chiếu với các số liệu, dữ liệu do Cơ quan CSĐT cung cấp tại văn bản số 120/CV- KTMT ngày 27/6/2023: “Đất cấp III, loại đất đồi núi lẫn sỏi sạn” đủ điều kiện là Khoáng sản làm vật liệu xây dựng T thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngày 10/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T có Yêu cầu định giá tài sản số 51/YC- KTMT đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T tiến hành định giá: 45m³ đất cấp III loại đất đồi núi lẫn sỏi sạn do Nguyễn Văn V chỉ đạo khai thác trái phép; 01 máy xúc nhãn hiệu SOLAR 200W, màu vàng cam,

bánh lốp, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 xe ô tô BKS: 88H- 077.13, màu xanh, đã cũ; 01 xe ô tô BKS: 14C- 307.33, nhãn hiệu Dongfeng, màu vàng, đã cũ. Kết quả, ngày 12/6/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T có bản Kết luận định giá số 420/KL- HĐĐG kết luận:

- 45m³ đất cấp III loại đất đồi núi lần sỏi sạn do Nguyễn Văn V chỉ đạo khai thác trái phép tại khu đồi thuộc thôn Làng M, xã Q, huyện T, tỉnh V ngày 18/3/2023 có giá là 1.960.000đ, thời điểm định giá: Tháng 6/2023.

- Máy xúc nhãn hiệu SOLAR 200W, màu vàng cam, bánh lốp, đã cũ, có giá: 160.000.000đ, thời điểm định giá: Tháng 6/2023.

- Xe ô tô BKS: 88H- 077.13, nhãn hiệu T-G (Trường Giang), màu xanh, đã cũ, có giá: 165.000.000đ, thời điểm định giá: Tháng 6/2023.

- Xe ô tô BKS: 14C- 307.33, nhãn hiệu Dongfeng, màu vàng, đã cũ có giá: 235.000.000đ, thời điểm định giá: Tháng 6/2023.

Kết quả xác minh phương tiện bị tạm giữ trong vụ án:

Đối với máy xúc nhãn hiệu SOLAR 200W, màu vàng cam, bánh lốp tạm giữ của anh Chu Văn T điều khiển để khai thác đất trái phép ngày 18/3/2023, xác định: Ngày 25/01/2022, Nguyễn Văn V và Phạm Văn L, sinh năm 1986, trú tại Hồ S, T, V, góp tiền mua chung máy xúc trên của ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1979 ở phường B, thành phố V, tỉnh P. Tháng 4/2022, Nguyễn Văn V và Phạm Văn L đã bán lại máy này cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, trú tại: Thôn Làng M, xã Q, huyện T, tỉnh V. Ngày 10/3/2023, anh T đã bán lại cho anh Bùi Văn K, sinh năm 1985, trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh V với giá 80.000.000đ, việc mua bán có giấy tờ viết tay và có người chứng kiến. Ngày 11/3/2023, Nguyễn Văn V cùng vợ là L gặp anh K để hỏi thuê chiếc máy xúc bánh lốp trên để sử dụng làm ăn thì anh K đồng ý. Do có mối quan hệ gia đình nên hai bên chỉ thỏa T1 miệng mà không lập hợp đồng thuê. Ngày 18/3/2023, Nguyễn Văn V thuê Chu Văn T điều khiển chiếc máy xúc này khai thác đất trái phép tại khu đồi thôn Làng M, xã Q, huyện T, tỉnh V. Anh K không biết cũng như không được V T báo, bàn bạc gì về nội dung này, do đó không có căn cứ để tịch thu máy xúc nêu trên. Ngày 30/9/2023, Cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại máy xúc trên cho anh Bùi Văn K.

Đối với xe ô tô tải BKS: 88H- 007.13 do Nguyễn Văn V2 điều khiển, kết quả xác minh giấy tờ xe đúng tên Công ty TNHH xây dựng và PT T, địa chỉ: Thôn Cầu Tre, xã Hồ S, huyện T, tỉnh V, xe ô tô này Công ty TNHH xây dựng và PT T mua, đăng ký sử dụng từ năm 2021. Năm 2022, Công ty TNHH xây dựng và PT T đã bán thanh lý cho bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1968, trú tại: thôn N, xã Hồ S, huyện T, tỉnh V. Sau khi mua, do bà V1 (chị gái Nguyễn Văn V) đã cho V thuê lại chiếc xe trên để chở vật liệu xây dựng. Tối ngày 18/3/2023, V sử dụng chiếc xe trên giao cho Nguyễn Văn V2 chở đất trái phép bà V1 không biết. Ngày 30/9/2023, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe ô tô này cho bà V1.

Đối với xe ô tô tải BKS: 14C- 307.33 do Đặng Xuân N điều khiển, kết quả xác minh giấy tờ xe đứng tên đăng ký là anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ 43, khu 4, phường H, TP. H, tỉnh QN. Tháng 3/2022, anh T bán lại chiếc xe trên cho anh Đoàn Ngọc Q, sinh năm 1989, địa chỉ: Xã Q, huyện N, TP. Hải Phòng. Sau khi mua, anh Q sử dụng đến ngày 22/4/2022 thì bán lại cho Đặng Xuân N với giá 300.000.000đ. Tối ngày 18/3/2023, N được Nguyễn Văn V thuê đến vận chuyển đất, N không biết việc khai thác đất tại khu đồi nhà ông H là trái phép; bản thân N tối ngày 18/3/2023 chưa chở được chuyến nào cho Nguyễn Văn V. Ngày 30/9/2023, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe ô tô trên cho Đặng Xuân N.

Đối với xe ô tô tải BKS 88C-080.42 do Dương Đức T1 điều khiển là tài sản hợp pháp của T1 sử dụng để chở vật liệu xây dựng. Ngày 18/3/2023, V thuê T1 chở đất, khi được V thuê chở đất T1 không biết việc khai thác đất là trái pháp luật nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với 45m³ đất cấp III là thiệt hại do hành vi khai thác trái phép ngày 18/3/2023 của Nguyễn Văn V gây ra, do không thu hồi được nên Cơ quan điều tra đã yêu cầu Nguyễn Văn V khắc phục hậu quả bằng cách nộp lại số tiền tương ứng theo định giá là 1.960.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng số: 114/CT-VKS-P1 ngày 28 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã truy tố Nguyễn Văn V về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài N” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn V hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh như Viện kiểm sát truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo; đã tác động tới gia đình để nộp số tiền 1.960.000đ để khắc phục hậu quả; bị cáo có ông ngoại là Liệt sỹ, bản thân là lao động chính trong gia đình; bị cáo trình độ văn hóa thấp; giá trị tài sản khai thác thấp để từ đó xử phạt bị cáo ở mức 06 tháng tù.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V, giữ N quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài N”.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Tổng phạt với hình phạt 09 tháng tù của bản án số 90/HSST/2022 ngày 26/9/2022 của TAND tỉnh V để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho hai bản án từ 21 tháng tù đến 25 tháng tù. Thời hạn chấp hành

hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 06/7/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh V; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V và những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng; phù hợp với tài liệu, vật chứng đã thu giữ, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 18/3/2023, Nguyễn Văn V đã có hành vi khai thác trái phép tài N là khoáng sản làm vật liệu xây dựng T thường (đất) tại thửa đất số 223, tờ bản đồ số 63, địa chỉ thôn Làng M, xã Q, huyện T, tỉnh V với khối lượng đất khai thác là 45m³ tương đương số tiền 1.960.000đ. Tuy khối lượng đất và trị giá khoáng sản V khai thác trái phép thấp nhưng Nguyễn Văn V đã bị kết án về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài N” chưa được xóa án tích (Bản án số 90/HS-ST ngày 26/9/2022, TAND tỉnh V tuyên phạt Nguyễn Văn V 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày 26/9/2022), V đang chấp hành bản án, chưa được xóa án tích. Ngày 18/3/2023, V lại có hành vi khai thác khoáng sản (đất) trái phép như đã nêu trên. Do vậy, hành vi của Nguyễn Văn V đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài N” theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“Người nào vi phạm quy định về ... khai thác tài N trong đất liền... mà không có giấy phép...thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:.....

đ) Đã bị ... kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng do coi thường pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài N*”, song bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện phạm tội cùng loại. Do vậy, cần xử lý nghiêm minh đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của bản án 90/HSST/2022 ngày 26/9/2022 của TAND tỉnh V, tổng hợp với hình phạt của bản án này để xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục riêng, răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động tới gia đình để nộp số tiền khắc phục hậu quả vụ án 1.960.000đ (Chị Nguyễn Thị L - vợ bị cáo, đã nộp thay theo Biên lai nộp tiền số 0003538 ngày 01/12/2023 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh V) nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có mẹ là con liệt sỹ, bản thân là lao động chính trong gia đình (được Ủy ban nhân dân xã xác nhận) nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, khối lượng khai thác và giá trị tài sản bị cáo khai thác là ít (khối lượng đất khai thác là 45m³ tương đương số tiền 1.960.000đ); Bản án số 90/HSST/2022 ngày 26/9/2022 của TAND tỉnh V là tình tiết định tội, do vậy chỉ cần xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm là phù hợp.

[6] Đối với Nguyễn Thị L (vợ bị cáo Nguyễn Văn V) là người chưa có tiền án, tiền sự gì về hành vi khai thác khoáng sản trái phép. Trong quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Thị L không liên lạc với ông H - Chủ sử dụng thửa đất số 223, vị trí khai thác đất trái phép; không liên lạc với lái máy xúc, lái xe ô tô để chỉ đạo các lái máy, lái xe ô tô khai thác, vận chuyển đất trái phép từ khu đồi nhà ông H đến đổ đất vườn cho anh Nguyễn Văn S ở xã O tối ngày 18/3/2023; không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc chị L điều hành, chỉ đạo khai thác đất trái phép. Do đó không đủ căn cứ để xử phạt Nguyễn Thị L về hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

Đối với ông Nguyễn Văn H là chủ sử dụng thửa đất số 223, tờ bản đồ số 63, loại đất rừng sản xuất (RSX), ông H thuê V đến xới gốc cây bạch đàn và san gạt cho phẳng để ông H trồng cây. Trong quá trình làm V chỉ đạo lái máy, lái xe ô tô khai thác, vận chuyển đất ra ngoài ông H không biết nên không có căn cứ để xử lý hành vi của ông H về khai thác khoáng sản trái phép. Nhưng hành vi thuê máy móc tiến hành san gạt, làm thay đổi độ dốc, mặt bằng đất của ông H có dấu hiệu

vi phạm quy định về sử dụng đất đai, cụ thể là hành vi “hủy hoại đất” quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 15 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Căn cứ Điều 38, Điều 52, Điều 63 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V sẽ có văn bản đề nghị UBND xã Q xem xét, xử lý hành vi vi phạm của ông Nguyễn Văn H theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Bùi Thị L1 là người gặp, liên lạc với Nguyễn Văn V để xin đất, bà L1 chỉ biết V được ông H thuê để xới gốc cây, san gạt mặt bằng, bà L1 chỉ biết quá trình xới, san sẽ thừa đất nên xin đồ vườn, do nhận thức hạn chế bà không biết hành vi V vận chuyển ra ngoài thửa đất của ông H là trái phép, vị trí đồ đất thuộc diện tích đất ở nông thôn (ONT) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó Cơ quan điều tra chỉ xem xét nhắc nhở là đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với anh Nguyễn Văn S là người mua đất của Nguyễn Văn V, khi mua anh S không biết việc V khai thác đất trái phép, vị trí đất mà anh S mua đất đổ vào vườn của gia đình do bố anh S là ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng, do đó không có căn cứ để xử lý hành vi của Nguyễn Văn S về khai thác khoáng sản trái phép hay vi phạm quy định về sử dụng đất.

Đối với anh Chu Văn T, Đặng Xuân N, Nguyễn Văn V2, Dương Đức T1 là những người điều khiển máy xúc, điều khiển xe ô tô họ được Nguyễn Văn V thuê làm, bản thân họ không được V trao đổi, bàn bạc gì và không biết việc khai thác, vận chuyển đất ra ngoài là trái phép, do đó Cơ quan điều tra chỉ xem xét nhắc nhở là đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với anh Bùi Văn K - Chủ sở hữu máy xúc bánh đà nêu trên không biết, không được V trao đổi gì về việc khai thác đất trái phép nên không có căn cứ để xử lý anh K về hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

Nguyễn Văn V không có việc làm, thu nhập ổn định nên không phạt bổ sung là phạt tiền như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài Nguyên”.

1. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 (Chín) tháng tù của bản án số 90/HSST/2022 ngày 26/9/2022 của TAND tỉnh

V. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (Một năm) 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 06/7/2023.

2. Xác nhận bị cáo Nguyễn văn V đã nộp đủ số tiền khắc phục hậu quả 1.960.000đ (do chị Nguyễn Thị L, vợ bị cáo nộp thay, theo Biên lai số 0003538 ngày 01/12/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh V).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Công an tỉnh V;
- Cục THADS tỉnh V;
- Bị cáo; các đương sự.
- Lưu HS + Toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn An Nguyễn Quang Bằng

Vũ Văn Mạnh

